TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1229**/2023/HNGĐ-PT
Ngày: 20-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Thẩm phán:

1. Bà Nguyễn Hoàng Anh.

2. Bà Võ Thị Mỹ Hạnh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Ái – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2023/TLPT-HNGĐ ngày 11/10/2023 về việc "tranh chấp ly hôn".

Do bản án sơ thẩm số 655/2023/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 5367/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16429/2023/QĐ-PT ngày 05/12/2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị C, sinh năm 1972. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 77/25 Đường A, phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

- *Bị đơn:* Ông Đặng Đình H, sinh năm 1963. (có mặt)

Địa chỉ: 173/24 Đường E, phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị Bé Q, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 77/25 Đường A, phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Ông Đặng Đình H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C trình bày: Bà và ông Đặng Đình H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào năm 1998 tại Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/6/1998).

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, ông H thường xuyên mắng chửi, không tôn trọng bà, mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Vợ chồng đã nói chuyện hòa giải với nhau nhưng ông H không thay đổi. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Bé Q, sinh năm 1992, đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà C xác nhận bà và ông H không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà C xác nhận bà và ông H không có nợ chung.

Bị đơn ông Đặng Đình H trình bày: Ông xác nhận về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn đúng như lời trình bày của bà C.

Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến bà C nộp đơn xin ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn với bà C vì trước đây ông có tài sản riêng là căn nhà 213/52 Đường E, phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, sau khi kết hôn với bà C thì ông có cho bà C đứng tên chung căn nhà trên. Sau đó ông và bà C có tặng cho ½ căn nhà phần của bà C cho con chung là Đặng Thị Bé Q. Hiện nay căn nhà do ông và Đặng Thị Bé Q đứng tên. Nay bà C xin ly hôn ông không đồng ý nếu bà C yêu cầu Đặng Thị Bé Q trả lại nhà cho ông thì ông mới đồng ý ly hôn. Trường hợp buộc phải ly hôn thì ông sẽ khởi kiện yêu cầu Đặng Thị Bé Q phải trả lại ½ căn nhà cho ông.

Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Thị Bé Q, sinh năm 1992 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H xác nhận không có tài sản chung.

Về nợ chung: Ông H xác nhận không có nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Bé Q trình bày: Bà là con gái ruột của ông Đặng Đình H và bà Huỳnh Thị C. Năm 2017, bà C có cho tặng cho bà một nửa căn nhà số 213/52 Đường E, phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là phần bà C đồng sở hữu với ông Đặng Đình H. Khi đó ông H cũng đồng ý cho bà C chuyển nhượng phần quyền sở hữu của bà C cho bà. Ông H yêu cầu bà trả lại nhà thì bà không đồng ý trả lại nhà.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 655/2023/HNGĐ-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản1 Điều 227, Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014; Luật Phí và Lệ phí năm 2016; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C

Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị C được ly hôn với ông Đặng Đình H.

Quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/6/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà C và ông H có 01 con chung là Đặng Thị Bé Q, sinh ngày 02/11/1992 đã trưởng thành và phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19/7/2023, bị đơn ông Đặng Đình H kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị C có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn ông Đặng Đình H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông H còn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/6/1998 của Ủy ban nhân Phường M, quận T cấp cho bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H có cơ sở xác định hôn nhân giữa ông H và bà C là hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không hòa giải được. Ông H muốn đoàn tụ gia đình nhưng không có biện pháp hòa giải, khắc phục để vợ chồng hạnh phúc và ông cũng thừa nhận hiện không biết bà C sinh hoạt thế nào và sống ở đâu. Điều này chứng tỏ ông H cũng không còn quan tâm đến bà C. Tòa cấp sơ thẩm căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quyết định cho bà C được ly hôn với ông H

là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Đặng Đình H không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm nên đã có đơn xin kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của ông H làm trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Xét đơn xin vắng mặt của của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C phù hợp với quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà C.

[3] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn ngày 25/6/1998 của Ủy ban nhân Phường M, quận T cấp cho bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà C và ông H là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông H xin được đoàn tụ:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy: Trong cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn giữa bà C và ông H là có xảy ra, đôi bên không tìm được tiếng nói chung nên mâu thuẫn dần gay gắt, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, hiện bà C và ông H đã sống ly thân. Ông H cho rằng, ông chỉ đồng ý ly hôn khi bà Đặng Thị Bé Q (con chung của bà C và ông H) trả lại ½ căn nhà số 213/52 Đường E, phường L, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H mới đồng ý ly hôn. Nhận thấy, yêu cầu này của ông H là không đúng bởi hạnh phúc vợ chồng phải xuất phát từ tình cảm đôi bên, phải biết yêu thương, tôn trọng, quan tâm và chăm sóc lẫn nhau chứ không phải bất kỳ vì lý do nào khác. Ông H muốn đoàn tụ gia đình nhưng không chứng minh được ông còn tình cảm với vợ và có các biện pháp khắc phục, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm đã căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là có cơ sở.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Bé Q, sinh ngày 02/11/1992 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đặng Đình H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên đương sự kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Đình H.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 655/2023/HNGĐ-ST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị C

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị C được ly hôn ông Đặng Đình H.

Quan hệ hôn nhân của bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 25/6/1998 của Ủy ban nhân dân Phường M, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị C và ông Đặng Đình H chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đặng Thị Bé Q, sinh ngày 02/11/1992 đã trưởng thành Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về nợ chung: Bà C và ông H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Huỳnh Thị C phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0036982 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Huỳnh Thị C đã nộp đủ án phí

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) ông Đặng Đình H chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2023/0006392 ngày 19/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự đươc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND quận P, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận P, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.(Linh/15b)



TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên